

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ**

ÁP DỤNG TỪ NĂM 2017 - KHÓA ĐÀO TẠO THỨ 58

NGHỆ AN - 2017

Contents

BẢN MÔ TẢ.....	2
I. Thông tin chung	2
II. Mục tiêu chương trình đào tạo.....	3
III. Chuẩn đầu ra.....	3
IV. Nội dung chương trình đào tạo	8
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN.....	Error! Bookmark not defined.

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2019

BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ Ngành: Sư phạm Địa lí

(Ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/04/2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

I. Thông tin chung

1. Tên ngành:

Tên tiếng Việt: **Sư phạm Địa lí**

Tên tiếng Anh: **Geography Pedagogy**

2. Mã số ngành đào tạo: **D140219**

3. Trình độ đào tạo: **Đại học**

4. Thời gian đào tạo: **4 năm**

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: **Bằng Cử nhân Sư phạm Địa lí**

Tên tiếng Anh: **The degree of bachelor: Geography Pedagogy**

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: **Viện Sư phạm Xã hội**

7. Chương trình đối sánh: **Chương trình đào tạo của các trường đại học sư phạm trong nước: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Hà Nội 2, ĐHSP Thái Nguyên, ĐHSP Huế, ĐHSP Đà Nẵng, ĐHSP TP. Hồ Chí Minh**

8. Hình thức đào tạo: **Chính quy - Tập trung**

9. Ngôn ngữ sử dụng: **Tiếng Việt**

10. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 sinh viên/năm.

11. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Sư phạm Địa lí
- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo
- Có đầy đủ các hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

12. Điều kiện tốt nghiệp

(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp).

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ 126 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4).

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương (*Riêng ngành Ngôn ngữ Anh và Sư phạm tiếng Anh yêu cầu đạt trình độ tiếng Anh bậc 5 và tiếng Pháp bậc 3*);

- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;

- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên ngành sư phạm Địa lý sau khi ra trường có cơ hội làm việc và khẳng định bản thân trong các vị trí: giảng dạy địa lí tại các trường phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề trong cả nước; Giảng dạy địa lí tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước nêu đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình độ và năng lực cao hơn; Nghiên cứu tại các trung tâm, khí tượng thủy văn, địa chính, khoa học xã hội và nhân văn, viện nghiên cứu giáo dục; Chuyên viên và quản lý tại các bộ phận ở các trường học, các cơ sở quản lý giáo dục, các cơ sở khác phù hợp với chuyên môn như du lịch, địa chính...

14. Cơ hội học tập và nâng cao trình độ:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo - được thiết kế trong thời gian tương ứng 4 năm học, người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được những trình độ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ), tiếp tục đam mê khám phá, nghiên cứu khoa học trong các Viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất liên quan đến lĩnh vực địa lí.

15. Ngày tháng ban hành:

16. Phiên bản chỉnh sửa: (Ghi rõ lần thứ mấy, ngày 15 tháng 07 năm 2019)

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Địa lí có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, kiến thức chuyên ngành sư phạm Địa lí; năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn Địa lí cấp trung học phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

M1- Có kiến thức cốt lõi ngành sư phạm Địa lí, bao gồm: phương pháp nghiên cứu chuyên ngành, địa lí tự nhiên đại cương, địa lí KT-XH đại cương, địa lí tự nhiên lục địa, địa lí KT-XH thế giới, bản đồ, hệ thống thông tin địa lí.

M2- Có hiểu biết cơ bản về triết học và khoa học xã hội đáp ứng hoạt động giáo dục và dạy học địa lí.

M3- Thể hiện hiểu biết nền tảng về tâm lí học, khoa học giáo dục, hiểu biết sâu sắc về lí luận dạy học bộ môn và phát triển chương trình giáo dục môn địa lí ở trường phổ thông.

M4- Có kĩ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kĩ năng dạy học hiệu quả và thực hành thí nghiệm đảm bảo an toàn.

M5- Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông, ngoại ngữ (tiếng Anh) trong các hoạt động nghề nghiệp.

M6- Có khả năng tự học suốt đời và xây dựng xã hội học tập, phát triển nghề nghiệp bản thân và học lên trình độ cao hơn, NCKH và đổi mới sáng tạo.

M7- Có các phẩm chất cá nhân, mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu hoạt động giáo dục và dạy học địa lí.

III. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra cấp chương trình được thiết kế theo 4 nhóm nội dung:

3.1. Kiến thức và lập luận ngành:

+ *Có thể giới quan khoa học và hệ tư tưởng chính trị*: chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

+ *Có kiến thức nền tảng về toán học, khoa học tự nhiên, KHGD và công nghệ thông tin.*

+ *Vận dụng kiến thức cốt lõi về địa lí tự nhiên, địa lí kinh tế - xã hội, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các phương pháp dạy học tích cực vào dạy học môn Hóa học.*

+ *Vận dụng các kiến thức chuyên sâu vào xây dựng, vận hành và phát triển chương trình nhà trường THPT môn Địa lí.*

+ *Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội khoa học chính trị và pháp luật*

3.2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp:

+ *Có kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề* trong giáo dục, dạy học bộ môn và trong hoạt động xã hội (cách xác định vấn đề, mô hình hóa và phân tích vấn đề, đánh giá các giải pháp và đề xuất, khuyến nghị).

+ *Có kỹ năng nghiên cứu, khám phá tri thức Hóa học và KHGD* (xây dựng giả thuyết, thực nghiệm khảo sát thông tin, phân tích, kiểm tra và kết luận về giả thuyết, công bố vấn đề nghiên cứu).

+ *Có kỹ năng tư duy tâm hệ thống* (phân biệt các mối liên hệ trong hệ thống, sắp xếp trình tự ưu tiên để giải quyết, dung hòa và cân bằng trong giải quyết các vấn đề của hệ thống).

+ *Có phẩm chất chính trị, thái độ và tư tưởng*: có sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro, khéo léo, linh hoạt trong vận dụng các nguồn lực, tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kỹ năng học tập và rèn luyện suốt đời, có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong dạy học.

+ *Hành xử chuyên nghiệp, công bằng trong ứng xử và đánh giá, trách nhiệm xã hội.*

3.3. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp:

+ *Kỹ năng làm việc nhóm*: có kỹ năng tổ chức nhóm, hoạt động nhóm, phát triển nhóm và lãnh đạo nhóm.

+ *Kỹ năng giao tiếp*: Có kỹ năng xây dựng chiến lược giao tiếp, cấu trúc giao tiếp; thực hành giao tiếp bằng văn bản và ICT; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đàm phán, vận động, thỏa hiệp và giải quyết xung đột.

+ *Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ*: Có kỹ năng giao tiếp và dạy học Hóa học bằng tiếng Anh.

3.4. Năng lực thực hành nghề nghiệp để phân nhiệm giảng dạy cho các môn học và đánh giá ở cấp chương trình.

+ *Nhận biết bối cảnh*: vai trò và trách nhiệm của người giáo viên; ảnh hưởng của xã hội lên giáo dục và ngược lại; bối cảnh của xã hội; sứ mệnh (nhiệm vụ) của nhà trường; đặc điểm học sinh; vị trí và vai trò của ngành học.

+ *Hình thành ý tưởng về chương trình nhà trường THPT môn Địa lí*: thiết lập các mục tiêu dạy học, mục tiêu giáo dục và hướng nghiệp; chức năng, nguyên lý và cấu trúc chương trình nhà trường môn học; mô hình hóa chương trình nhà trường; quản lý chương trình nhà trường môn học.

+ *Năng lực thiết kế chương trình nhà trường THPT môn Địa lí*: cấu trúc; nội dung; kế hoạch và hướng dẫn thực hiện.

+ *Năng lực thực hiện (triển khai) chương trình nhà trường THPT môn Địa lí*: triển khai các hoạt động dạy học và giáo dục theo kế hoạch; lãnh đạo và quản lý người học;

giám sát, kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện; giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh.

+ *Năng lực phát triển nhà trường THPT môn Địa lí*: phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học và giáo dục; phân tích các kết quả kiểm tra, đánh giá và phản hồi để cải tiến và phát triển chương trình môn học sau mỗi chu trình thực hiện;

Năng lực cụ thể được trình bày trong bảng sau:

CẤP ĐỘ			CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
1			KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1	1		<i>Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và khoa học xã hội - nhân văn</i>	
1	1	1	Hiểu những vấn đề cơ bản của lịch sử triết học	2.0
1	1	2	Hiểu nội dung cơ bản của lý luận chính trị	2.0
1	1	3	Hiểu các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam	2.0
1	1	4	Hiểu tiến trình lịch sử Việt Nam	2.0
1	1	5	Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử văn minh thế giới	2.0
1	1	6	Hiểu những kiến thức cơ bản của địa lý học đại cương	2.0
1	1	7	Hiểu và vận dụng kiến thức thuộc một trong bốn lĩnh vực sau: Bản đồ giáo khoa, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, Kỹ năng soạn thảo, xử lý văn bản; Kỹ năng thuyết trình	2.0
1	2		<i>Kiến thức nền tảng ngành sư phạm</i>	
1	2	1	Hiểu về ngành sư phạm (nhập môn ngành – khoa Giáo dục)	3.0
1	2	2	Vận dụng kiến thức Tâm lý học trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	3	Vận dụng kiến thức Giáo dục học trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	4	Vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học	3.0
1	2	5	Vận dụng kiến thức về giao tiếp sư phạm trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	6	Vận dụng kiến thức về đánh giá trong dạy học, giáo dục	3.0
1	2	7	Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình trong dạy học, giáo dục	3.0
1	3	1	Vận dụng phương pháp nghiên cứu chuyên ngành	3.0
1	3	2	Khai thác kiến thức địa lí tự nhiên đại cương	3.0
1	3	3	Khai thác, vận dụng kiến thức địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3.0
1	3	4	Khai thác, vận dụng kiến thức địa lí tự nhiên lục địa	3.0
1	3	5	Sử dụng được bản đồ và ứng dụng hệ thống thông tin địa lí (GIS)	3.0
1	3	6	Phân tích và lí giải được địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3.0
1	4		<i>Kiến thức nâng cao ngành Sư phạm Địa lí</i>	

1	4	1	Phân tích và lí giải kiến thức địa lí tự nhiên Việt Nam	4.0
1	4	2	Vận dụng kiến thức địa lí tự nhiên vào thực tế	4.0
1	4	3	Phân tích và lí giải kiến thức địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	3.0
1	4	4	Vận dụng kiến thức địa lí kinh tế - xã hội vào thực tế	4.0
1	4	5	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về một trong những vấn đề: địa lí địa phương, giáo dục phát triển bền vững, phát triển kinh tế biển đảo...	3.0
1	4	6	Phân tích chương trình sách giáo khoa và thực hành giảng dạy địa lí	4.0
1	4	7	Vận dụng kiến thức lý luận và phương pháp dạy học địa lí PTTH	3.0
2			KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2	1		Năng lực giải quyết vấn đề	
2	1	1	Xác định vấn đề	3.0
2	1	2	Phân tích vấn đề	3.0
2	1	3	Lựa chọn phương án và/hoặc giải pháp và tiến hành giải quyết vấn đề	3.0
2	1	4	Đánh giá và điều chỉnh phương án và/hoặc giải pháp	3.0
2	2		Năng lực nghiên cứu	
2	2	1	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, phương pháp nghiên cứu	2.0
2	2	2	Thu thập và xử lí thông tin	3.0
2	2	3	Thực nghiệm, giải quyết vấn đề nghiên cứu	3.0
2	2	4	Bảo vệ giả thuyết nghiên cứu	3.0
2	3		Tư duy hệ thống	
2	3	1	Nhận biết tính chỉnh thể của hệ thống	2.0
2	3	2	Phân tích các yếu tố cấu thành hệ thống	3.0
2	3	3	Xác định mối liên hệ giữa các yếu tố trong hệ thống	3.0
2	3	3	Phác thảo hướng giải quyết các mâu thuẫn theo quan điểm hệ thống	3.0
2	4		Kỹ năng và phẩm chất cá nhân	
2	4	1	Thể hiện kỹ năng sử dụng thời gian và quản lý nguồn lực	3.0
2	4	2	Thể hiện kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	3.0
2	4	3	Thể hiện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin	3.0
2	4	4	Thể hiện kỹ năng nhận thức bản thân	3.0
2	4	5	Tôn trọng sự khác biệt	3.0

2	4	6	Thể hiện ý thức học tập suốt đời	3.0
2	4	7	Thể hiện tư duy phản biện	3.0
2	4	8	Thể hiện tư duy sáng tạo	3.0
2	5		Kỹ năng và phẩm chất nghề nghiệp	
2	5	1	Thể hiện ứng xử chuyên nghiệp	3.0
2	5	2	Thể hiện kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc	3.0
2	5	3	Thể hiện kỹ năng cải tạo môi trường làm việc trong nhà trường	3.0
2	5	4	Thể hiện kỹ năng chia sẻ, đồng cảm	3.0
2	5	5	Tiến hành thuyết phục, cảm hóa	3.0
2	5	6	Thể hiện thái độ đánh giá khách quan, công bằng	3.0
2	5	7	Thể hiện lòng trung thành và tính liêm chính	3.0
2	5	8	Hình thành và phát triển năng lực địa lý	3.0
3			KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3	1		Kỹ năng làm việc nhóm	
3	1	1	Tổ chức nhóm	3.0
3	1	2	Lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm	3.0
3	1	3	Phát triển nhóm	3.0
3	1	4	Lãnh đạo nhóm	3.0
3	1	5	Hợp tác nhóm	3.0
3	2		Kỹ năng giao tiếp	
3	2	1	Xác định chiến lược giao tiếp	3.0
3	2	2	Phân tích đối tượng giao tiếp	3.0
3	2	3	Lựa chọn phương thức giao tiếp	3.0
3	2	4	Thực hiện và điều chỉnh hoạt động giao tiếp	3.0
3	3		Giao tiếp bằng tiếng Anh	3.0
3	3	1	Khả năng giao tiếp	3.0
3	3	2	Khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh chuyên ngành	3.0
4			NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, THỰC HIỆN VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, GIÁO DỤC	
4	1		Nhận thức bối cảnh	
4	1	1	Xác định vai trò, trách nhiệm của người giáo viên địa lí trung học phổ thông	3.0
4	1	2	Phân tích bối cảnh kinh tế - xã hội, văn hóa và giáo dục	3.0

4	1	3	Phân tích đặc điểm của giáo dục ở bậc phổ thông trung học	3.0
4	1	4	Phân tích bối cảnh nhà trường	3.0
4	1	5	Xác định vị trí, vai trò của ngành học	3.0
4	2		Hình thành ý tưởng	
4	2	1	Xác định nhu cầu xã hội và thiết lập mục tiêu	3.0
4	2	2	Định hướng nội dung, phương pháp, hình thức	3.0
4	2	3	Phác thảo quy trình (NLDH Địa lí)	3.0
4	3		Thiết kế chương trình	
4	3	1	Thiết kế mục tiêu	3.0
4	3	2	Xây dựng nội dung	3.0
4	3	3	Xác định phương pháp và phương tiện dạy học	3.0
4	3	4	Xác định hình thức tổ chức dạy học	3.0
4	3	5	Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá	3.0
4	4		Thực hiện chương trình	
4	4	1	Triển khai kế hoạch	3.0
4	4	2	Giám sát, kiểm tra, đánh giá	3.0
4	4	3	Xử lý các tình huống sư phạm	3.0
4	4	4	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3.0
4	4	5	Tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp	3.0
4	5		Phát triển chương trình	
4	5	1	Phát hiện các vấn đề nảy sinh	3.0
4	5	2	Phân tích thông tin phản hồi và kết quả kiểm tra, đánh giá	3.0
4	5	3	Cải tiến và phát triển chương trình	4.0

IV. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 125 tín chỉ, trong đó:

4.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 61 tín chỉ

4.1.1.1. Kiến thức đại cương chung: 33 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC
1	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5
2	Địa lí học đại cương	4
3	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3
4	Tiếng Anh 1	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2

6	Văn học Việt Nam đại cương	3
7	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)
8	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)
9	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)
10	Giáo dục thể chất	(5)
11	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3
12	Lịch sử triết học	3
13	Lịch sử văn minh thế giới	3
14	Tiếng Anh 2	4
	Tổng	33

4.1.1.2. **Kiến thức đại cương khối ngành**: 28 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC
1	Nhập môn ngành sư phạm	2
2	Tâm lý học	4
3	Giáo dục học	4
4	Ứng dụng ICT trong giáo dục	3
5	Đánh giá trong giáo dục	2
6	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	3
7	Phương pháp dạy học hiện đại	4
8	Tự chọn 1	3
9	Giao tiếp sư phạm	3
	Tổng	28

4.1.2. **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**: 64 tín chỉ

4.1.2.1. **Kiến thức cơ sở ngành**: 48 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC
1	Địa lí tự nhiên đại cương 1	5
2	Địa lí tự nhiên đại cương 2	4
3	Địa lí tự nhiên lục địa	4
4	Địa lí tự nhiên Việt Nam	5
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí	2
6	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	5

7	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1	4
8	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	5
9	Thực địa Địa lí tự nhiên	2
10	Bản đồ và Hệ thống thông tin Địa lí (GIS)	5
11	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2	3
12	Tự chọn 2	2
13	Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội	2
	Tổng:	48

4.1.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 16 tín chỉ

TT	Tên học phần	Số TC
1	Kiến tập	1
2	Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí	5
3	Phát triển chương trình môn Địa lí và tập giảng	5
4	Thực tập sư phạm	5
	Tổng:	16

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Loại học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/ Tự học	Khối kiến thức	Phân kỳ
1	EDU20001	Nhập môn ngành sư phạm	Bắt buộc	2	25/5/60	GDCN	1
2	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (ĐỒI tên)	Bắt buộc	5	50/25/150	GDĐC	1
3	EDU20003	Tâm lý học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	1

4	GEO20001	Địa lí học đại cương (Bỏ)	Bắt buộc	4	40/20/120	GDCN	1
5	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam (bỏ)	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2
6	EDU20006	Giáo dục học	Bắt buộc	4	45/15/120	GDCN	2
7	ENG10001	Tiếng Anh 1	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2
8	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bắt buộc	2	20/10/60	GDĐC	2
9	LIT20002	Văn học Việt Nam đại cương (Bỏ)	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	2
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	Bắt buộc	(3)	45/0/90	GDĐC	1-3
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	Bắt buộc	(2)	30/0/60	GDĐC	1-3
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...) (chia thành 4 học phần)	Bắt buộc	(3)	15/(30)/90	GDĐC	1-3
	SPO10001	Giáo dục thể chất	Bắt buộc	(5)	15/(60)/150	GDĐC	1-3
10	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN đổi tên thành Lịch sử Đảng Cộng sản VN, bớt 1 tín chỉ	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3
11	INF20010	Ứng dụng ICT trong giáo dục (thêm 1 tín chỉ)	Bắt buộc	3	30/(15)/90	GDĐC	3
12	POL20002	Lịch sử triết học (bỏ)	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3
13	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	Bắt buộc	3	30/15/90	GDĐC	3
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	Bắt buộc	4	45/15/120	GDĐC	3
15	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục (bỏ)	Bắt buộc	2	20/10/60	GDĐC	4
16	HIS20006	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông (Bỏ)	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	4
17	LIT20005	Phương pháp dạy học hiện đại (bỏ)	Bắt buộc	4	40/20/120	GDCN	4
18		Tự chọn 1	Tự chọn	3		GDĐC	4
19	EDU20011	Giao tiếp sư phạm (chuyên sang tự chọn 1)	Bắt buộc	3	30/15/90	GDCN	4
20	GEO30001	Địa lí tự nhiên đại cương 1	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	5
21	GEO30002	Địa lí tự nhiên đại cương 2	Bắt buộc	4	48/12/120	GDCN	5

22	GEO30003	Địa lí tự nhiên lục địa	Bắt buộc	4	52/8/120	GDCN	5
23	GEO30004	Địa lí tự nhiên Việt Nam (Bớt 1 tín chỉ)	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	5
24	EDU20012	Kiến tập sư phạm (Năm trong môn mới Thực hành phương pháp dạy học Địa lí)	Bắt buộc	1	0/(15)/30	GDCN	5
25	GEO30005	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí (Bò)	Bắt buộc	2	20/10/60	GDCN	5
26	GEO30006	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương (Bị bớt 1 tín chỉ)	Bắt buộc	5	60/15/150	GDCN	6
27	GEO30007	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1	Bắt buộc	4	48/12/120	GDCN	6
28	GEO30008	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	6
29	GEO30009	Lý luận và phương pháp dạy học Địa lí	Bắt buộc	5	50/25/150	GDCN	6
30	GEO30010	Thực địa Địa lí tự nhiên (Đưa vào môn mới Thực địa và đồ án địa lí Tự nhiên)	Bắt buộc	2	0/(30)/60	GDCN	6
31	GEO30011	Bản đồ và Hệ thống thông tin Địa lí (GIS) (Chuyển thành 2 môn Bản đồ học (4 chỉ) và GIS 3 chỉ, Phần thực hành đưa vào môn Thực hành GIS và Đồ án thành lập bản đồ Địa lí)	Bắt buộc	5	30/(45)/15 0	GDCN	7
32	GEO30013	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2	Bắt buộc	3	39/06/90	GDCN	7
33	GEO30015	Phát triển chương trình môn Địa lí và tập giảng (Chuyển thành 2 môn Phát triển chương trình môn Địa lí phổ thông và Thực hành Phương pháp dạy học địa lí)	Bắt buộc	5	30/(45)/15 0	GDCN	7
34		Tự chọn 2	Tự chọn	2		GDCN	7
35	GEO30017	Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội (năm trong môn mới Thực địa và đồ án Địa lí kinh tế - xã hội)	Bắt buộc	2	0/(30)/60	GDCN	7
36	GEO30018	Thực tập sư phạm (Năm trong môn mới Thực tập)	Bắt buộc	5	0/(75)/150	GDCN	8

		và Đồ án tốt nghiệp)					
		Cộng:		12			
				5			

Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)

1	GEO20002	Bản đồ giáo khoa	Tự chọn	3	30/(15)/90	GDĐC	4
2	POL20003	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Tự chọn	3	30/15/90	GDĐC	4
3	LIT20003	Kỹ năng soạn thảo, xử lý văn bản	Tự chọn	3	30/15/90	GDĐC	4
4	LIT20004	Kỹ năng thuyết trình	Tự chọn	3	30/15/90	GDĐC	4

Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 3 học phần)

1	GEO30012	Địa lí địa phương	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7
2	GEO30014	Giáo dục phát triển bền vững	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7
3	GEO30016	Phát triển kinh tế biển đảo	Tự chọn	2	20/10/60	GDCN	7

4.3. Mô tả học phần

4.3.1. Nhập môn ngành sư phạm

Học phần Nhập môn ngành sư phạm bao gồm những kiến thức về quá trình phát triển của ngành Sư phạm Việt Nam; quan điểm, đường lối phát triển giáo dục và đào tạo nước ta hiện nay; Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam và Quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; vị trí, vai trò, chức năng của nghề sư phạm và yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà giáo trong nhà trường hiện nay.

4.3.2. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin

Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm những nội dung cơ bản về triết học Mác - Lênin, về kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học. Ngoài phần mở đầu giới thiệu khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung chương trình gồm ba phần:

Phần 1: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Phần 2: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về các học thuyết kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần 3: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

4.3.3. Tâm lý học

Học phần Tâm lý học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản ngành sư phạm, dùng cho các nhóm ngành Sư phạm tự nhiên, Sư phạm xã hội, ngành Giáo

dục tiểu học và ngành Giáo dục Mầm non. Học phần Tâm lý học trang bị cho người học kiến thức về những vấn đề chung của tâm lý học, về các hiện tượng cơ bản của đời sống tâm lý, nhân cách và sự phát triển tâm lý qua các lứa tuổi, cơ sở tâm lý học của quá trình dạy học và giáo dục, một số vấn đề về nhân cách người thầy giáo; giúp người học hình thành kỹ năng và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Học phần Tâm lý học là học phần tiên quyết để sinh viên được tham gia đi Kiến tập sư phạm.

4.3.4. Địa lí học đại cương

Học phần Địa lí học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của khối ngành Sư phạm xã hội, nhằm giúp người học phân tích và lí giải được những kiến thức cơ bản, khái quát nhất về địa lý tự nhiên, địa lý dân cư và địa lý kinh tế; có khả năng xác định được vấn đề nảy sinh, nhận biết được tính chính thể, thể hiện được tư duy phân biện trong quá trình lĩnh hội kiến thức; hình thành và phát triển năng lực địa lí để đưa ra các giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; phát triển kỹ năng tổ chức nhóm, lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm trong quá trình nghiên cứu địa lí học đại cương.

4.3.5. Tiến trình lịch sử Việt Nam

Môn học Tiến trình Lịch sử Việt Nam thuộc khối kiến thức nền tảng nhóm ngành Sư phạm xã hội, giúp người học hiểu tiến trình lịch sử Việt Nam, có khả năng phân tích vấn đề, nhận biết tính chính thể của hệ thống, thể hiện kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm, thể hiện thái độ đánh giá khách quan, công bằng, lòng trung thành và tính liêm chính nhằm đáp ứng Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo.

4.3.6. Giáo dục học

Môn học này bao gồm những vấn đề cơ bản của Giáo dục học (đối tượng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản, các phương pháp của Giáo dục học; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; mục đích, nhiệm vụ giáo dục) và các vấn đề về lý luận dạy học và lý luận giáo dục (quá trình dạy học- giáo dục; nội dung, phương pháp, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học- giáo dục; công tác chủ nhiệm lớp...). Đồng thời giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học vào việc tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông.

4.3.7. Tiếng Anh 1

Tiếng Anh 1 là học phần dành riêng cho sinh viên không chuyên ngữ Trường Đại học Vinh sau khi đã qua được kì kiểm tra sát hạch đầu vào của nhà trường (bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam)

Học phần này được dạy – học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ dành cho Việt Nam của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (tương đương B1 khung tham chiếu Châu Âu)

Học phần này người học được cung cấp một số kiến thức tiếng Anh cơ bản tổng quát, giúp họ rèn luyện các kỹ năng thực hành tiếng Anh nghe, nói, đọc, viết.

Kết thúc học phần sinh viên sẽ có nền tảng kiến thức để tiếp tục học phần Ngoại ngữ II (Tiếng Anh 2).

4.3.8. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, bắt buộc sinh viên tất cả các ngành phải được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần có 6 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản hệ thống lý luận quan điểm, toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam bao gồm: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người.

4.3.9. Văn học Việt Nam đại cương

Văn học Việt Nam đại cương là môn học cung cấp cho sinh viên của nhóm ngành những tri thức nền cần thiết về về văn học (trong tương quan với các tri thức về địa lí, lịch sử, triết học). Riêng đối với ngành Sư phạm Ngữ văn, môn học trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp tiếp cận khoa học đối với lịch sử văn học dân tộc (ở cả hai bộ phận/ loại hình văn học dân gian và văn học viết), trên cơ sở đó có khả năng tiếp thu chủ động các khối kiến thức chuyên sâu của ngành đào tạo.

4.3.10. Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)

4.3.11. Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN)

4.3.12. Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)

4.3.13. Giáo dục thể chất

4.3.14. Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

Học phần thuộc khối kiến cơ bản nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

4.3.15. Ứng dụng ICT trong giáo dục

Môn học bắt buộc nhằm trang bị các kiến thức và kỹ năng căn bản về lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông hỗ trợ trong giáo dục. Giúp sinh viên có công cụ để hỗ trợ học tập và nghiên cứu các học phần tiếp theo.

4.3.16. Lịch sử triết học

Lịch sử triết học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ bản ngành Sư phạm Xã hội, trình bày quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại qua giai đoạn lịch sử, cũng như tư tưởng cơ bản của các học thuyết và các triết gia tiêu biểu. Học phần nhằm bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận và phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn cho sinh viên.

4.3.17. Lịch sử văn minh thế giới

Học phần Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương,

bắt buộc trong chương trình đào tạo của khối ngành Sư phạm xã hội và khối ngành Khoa học Xã hội & Nhân văn. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thành tựu của văn minh nhân loại qua các thời kỳ lịch sử. Người học có thể hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu cũng như nhận diện, giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu tri thức về lịch sử, văn hóa văn minh thế giới. Ngoài ra, môn học còn giúp rèn luyện các kỹ năng cần thiết như giao tiếp và làm việc nhóm đáp ứng yêu cầu của xã hội.

4.3.18. Tiếng Anh 2

Tiếng Anh 2 là học phần dành cho sinh viên đã được học học phần Tiếng Anh 1. Học phần này được dạy - học theo định hướng chuẩn đầu ra bậc 3 khung năng lực Ngoại ngữ dành cho Việt Nam của Bộ GD và ĐT quy định (trương đương B1 khung tham chiếu Châu Âu).

Qua học phần này sinh viên được cung cấp thêm một số vấn đề ngữ pháp cơ bản, được rèn luyện và củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để đạt tới cấp độ cơ bản. Sinh viên có thể sử dụng ngôn ngữ một cách thành thạo hơn nhờ các kiến thức mở rộng hơn nhất là từ vựng.

4.3.19. Đánh giá trong giáo dục

Học phần “Đánh giá trong giáo dục” là một học phần quan trọng, nằm trong chuỗi các học phần nghiệp vụ sư phạm, nhằm cung cấp sinh viên những lí luận cơ bản về đánh giá trong giáo dục (ý nghĩa, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, công cụ, quy trình thiết kế, xếp loại hạnh kiểm và học tập), đồng thời giúp sinh viên vận dụng những lí luận đó để thực hiện tốt các hoạt động đánh giá ở trường phổ thông (đánh giá năng lực học sinh; thiết kế đề kiểm tra, đánh giá học sinh; định hướng cho hoạt động dạy; hỗ trợ HS trong học tập...).

4.3.20. Phát triển chương trình giáo dục phổ thông

Học phần phát triển chương trình giáo dục phổ thông giúp SV Hiểu được những vấn đề chung về chương trình giáo dục phổ thông; Trình bày được nội dung chương trình môn học và việc đổi mới hoạt động dạy học ở trường phổ thông hiện nay. Vận dụng được kiến thức đã học về chương trình giáo dục phổ thông để khai thác nội dung môn học, lựa chọn hình thức, biện pháp dạy học hiệu quả đối với các môn học. Rèn luyện được kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề về lý luận và thực tiễn giáo dục, có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ giáo dục. Nhận thức được vị trí, ý nghĩa chương trình giáo dục phổ thông đối với hoạt động dạy học và giáo dục ở trường phổ thông; Ý thức được trách nhiệm của cá nhân trong việc phát triển chương trình giáo dục phổ thông qua các môn học trong khối ngành Sư phạm xã hội.

4.3.21. Phương pháp dạy học hiện đại

Phương pháp dạy học hiện đại là môn học rèn luyện ý thức, kỹ năng vận dụng PPDHĐ qua các hình thức và hoạt động học tập học phần, giúp người học thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học sử dụng PPDH hiện đại (ở một số bộ môn cụ thể, theo chương trình phổ thông: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân).

4.3.22. Tự chọn 1

- Bản đồ giáo khoa

Học phần Bản đồ giáo khoa là học phần giúp cho sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng chung của nhóm ngành để phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên tương lai trong quá trình giảng dạy và học tập các môn học có sử dụng bản đồ. Về kiến thức, sinh viên cần hiểu được khái niệm, đặc điểm, phân loại và vai trò, ý nghĩa của bản đồ giáo khoa; hiểu và vận dụng được các kỹ năng sử dụng bản đồ giáo khoa trong giảng dạy và học tập. Về kỹ năng, sinh viên thực hiện được các kỹ năng sử dụng các loại bản đồ giáo khoa. Về thái độ, sinh viên cần nhận thức đầy đủ về sự cần thiết của bản đồ giáo khoa trong giảng dạy và học tập, có ý thức khai thác và sử dụng bản đồ trong dạy học một cách tích cực, hiệu quả.

- Hoạt động trải nghiệm, sáng tạo

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được trang bị cho sinh viên các chuyên ngành sư phạm xã hội. Học phần có 3 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý luận chung trải nghiệm sáng tạo; về thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong quá trình dạy học ở trường trung học phổ thông. Mỗi chuyên ngành khác nhau sẽ có hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với chuyên ngành, nhưng đây là kiến thức và kỹ năng chung để sinh viên các ngành sư phạm xã hội tích lũy và vận dụng vào quá trình dạy học các môn học cụ thể.

- Kỹ năng soạn thảo, xử lý văn bản

Học phần *Kỹ năng soạn thảo và xử lý văn bản* nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản, các loại văn bản và quy trình soạn thảo văn bản. Học phần cũng hướng tới việc rèn luyện cho người học những thao tác, kỹ năng cần thiết để xây dựng, tổ chức văn bản, phát hiện và sửa chữa các loại lỗi thường gặp khi viết văn bản và xử lý, chuyển đổi các loại văn bản trong các hoàn cảnh giao tiếp khác nhau.

- Kỹ năng thuyết trình

Học phần *Kỹ năng thuyết trình* giúp người học hiểu được sự cần thiết, phạm vi áp dụng và mục đích của hoạt động thuyết trình, cách xây dựng một bài thuyết trình, các kỹ năng thuyết trình cơ bản để có thể thực hiện thuyết trình cũng như phân tích đánh giá được một cách hiệu quả về một bài thuyết trình.

4.3.23. Giao tiếp sư phạm

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản, dùng cho các nhóm ngành Sư phạm xã hội. Học phần Giao tiếp sư phạm cung cấp cho người học những kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về giao tiếp sư phạm và những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong dạy học và giáo dục; giúp người học vận dụng vào phân tích, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục; giúp người học biết ứng xử chuyên nghiệp, biết chia sẻ, đồng cảm, thuyết phục, cảm hóa người khác trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống; qua đó người học có thể phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống sư phạm nảy sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

4.3.24. Địa lý tự nhiên đại cương 1

Học phần Địa lý Tự nhiên đại cương 1 giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng của khối kiến thức Địa lý Tự nhiên. Về kiến thức, sinh viên cần hiểu được các khái niệm và nguồn gốc Thạch quyển, một số khái niệm cơ bản liên quan đến địa hình; các nhân tố hình thành địa hình và đặc điểm các dạng địa hình cơ bản trên Trái

Đất như các dạng địa hình kiến tạo; các dạng địa hình bóc mòn - bồi tụ. Hiểu được thành phần và cấu trúc theo chiều thẳng đứng của khí quyển; các dạng bức xạ Mặt trời tới bề mặt đất; các yếu tố của thời tiết và khí hậu như nhiệt độ, độ ẩm, khí áp và gió. Cơ chế hình thành và diễn biến của các hiện tượng thời tiết đặc biệt. Khí hậu và sự biến đổi khí hậu trên Trái đất. Thông qua môn học, sinh viên rèn luyện kỹ năng nhận biết các loại đá chính; các vận động của lớp vỏ Trái Đất như động đất, núi lửa, bào mòn, tích tụ,...; biết sử dụng địa bàn địa chất, xây dựng được lát cắt địa chất, cột địa tầng; rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng phát triển tư duy, nghiên cứu, phân tích các vấn đề liên quan đến khoa học Địa lý. Có khả năng vận dụng, khai thác kiến thức Địa lý Tự nhiên đại cương trong dạy học một cách tích cực, hiệu quả

4.3.25. Địa lí tự nhiên đại cương 2

Học phần Địa lí tự nhiên đại cương 2 là học phần giúp cho sinh viên hình thành kiến thức, cơ bản về khí quyển, thổ nhưỡng và sinh quyển: nguồn gốc, sự phân bố, đặc điểm để làm cơ sở cho việc nghiên cứu học tập của các bộ môn khác. Môn học còn giúp sinh viên nhận biết những kiến thức tổng hợp nhất về mối quan hệ, những qui luật tác động qua lại giữa các hợp phần tự nhiên trong lớp vỏ cảnh quan. Trên cơ sở kiến thức đã học, người học có khả năng phân tích, đánh giá phẫu diện đất cũng như là thảm thực vật mà mình nghiên cứu. Học phần góp phần hình thành cho sinh viên các kỹ năng xác định vấn đề, tư duy hệ thống, kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời, học phần cũng góp phần hình thành năng lực xác định vai trò, trách nhiệm của người giáo viên địa lí THPT cho người học.

4.3.26. Địa lí tự nhiên lục địa

Học phần Địa lí tự nhiên các lục địa là học phần giúp cho sinh viên nắm được những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành để phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên tương lai trong quá trình giảng dạy môn địa lý. Về kiến thức, sinh viên hiểu và phân tích được các nhân tố hình thành tự nhiên (vị trí địa lý, hình dạng, kích thước và giới hạn lục địa; lịch sử phát triển tự nhiên của lục địa), đặc điểm tự nhiên chung (địa hình và khoáng sản, khí hậu, sông ngòi và hồ, các đới cảnh quan tự nhiên), sự phân hóa và đặc điểm các khu vực địa lý tự nhiên của các lục địa Phi, Á- Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Úc và Nam Cực. Về kỹ năng, sinh viên sinh viên có thể đạt được các kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích số liệu các thành phần tự nhiên, kỹ năng vẽ, đọc và phân tích biểu đồ, kỹ năng làm việc nhóm phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy địa lý. Về thái độ, sinh viên hình thành được thái độ tôn trọng yêu mến tự nhiên, ý thức được các vấn đề đặt ra trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ các thành phần tự nhiên đối với mỗi châu lục là trách nhiệm chung của mỗi công dân trên trái đất.

4.3.27. Địa lí tự nhiên Việt Nam

Học phần Địa lí Tự nhiên Việt Nam giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng của khối kiến thức Địa lí Tự nhiên, phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên tương lai trong quá trình giảng dạy và học tập chuyên ngành Địa lí. Về kiến thức, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tự nhiên Việt Nam (địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng và sinh vật Việt Nam) nhằm phân tích, lí giải những hiện tượng, cơ chế hình thành và phát triển của các hợp phần tự nhiên Việt Nam. Người học vận dụng những kiến thức lý thuyết để ứng dụng vào thực tiễn khai thác, bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên Việt Nam. Gợi ý

người học hướng nghiên cứu về quy luật phân hoá của tự nhiên, đặc điểm của các miền địa lí tự nhiên trên lãnh thổ Việt Nam. Từ đó, phân tích những thuận lợi, khó khăn của mỗi miền trong vấn đề khai thác các tiềm năng tự nhiên vào phát triển kinh tế xã hội trong tình hình mới. Từ những kiến thức cơ bản về địa lí tự nhiên Việt Nam, giúp sinh viên hiểu sâu sắc hơn về thiên nhiên đất nước mình, làm cơ sở cho việc vận dụng, tiếp thu kiến thức của các môn học khác trong chương trình học tập; rèn luyện các kỹ năng phân tích, khái quát, hệ thống hoá tài liệu, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng nghiên cứu khoa học và liên hệ thực tế địa phương.

4.3.28. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Địa lí

Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành địa lí giúp sinh viên vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học vào chuyên ngành Địa lí học. Trong đó, sinh viên hiểu rõ vấn đề chung về khoa học và NCKH; Quy trình thực hiện một đề tài NCKH chuyên ngành địa lí; Vận dụng đánh giá một công trình NCKH chuyên ngành địa lí. Từ đó có thể chủ động phát hiện được vấn đề nghiên cứu, xác định được nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng được giả thuyết nghiên cứu, thu thập thông tin, lập kế hoạch điều tra, thực nghiệm, giải quyết vấn đề nghiên cứu; Trong NCKH thể hiện được kỹ năng sử dụng thời gian và quản lý nguồn lực, có tư duy phản biện và tư duy sáng tạo trong NCKH; Tổ chức hoạt động và hợp tác nhóm hiệu quả để hoàn thành nhiệm vụ NCKH.

4.3.29. Địa lí kinh tế - xã hội đại cương

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội đại cương thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học phân tích và lí giải được những kiến thức về địa lí KT -XH đại cương; Có khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện; hình thành và phát triển năng lực địa lí, phát triển kỹ năng tổ chức nhóm, lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm trong quá trình nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội đại cương; *Sử dụng* kiến thức địa lí kinh tế - xã hội đại cương để thiết kế mục tiêu, xây dựng nội dung dạy học địa lí ở trường phổ thông.

4.3.30. Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1 là học phần giúp cho sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng chuyên ngành để phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên tương lai trong quá trình giảng dạy môn địa lí. Về kiến thức, sinh viên có thể hiểu và phân tích được đặc điểm chung của nền kinh tế - xã hội thế giới; những đặc trưng cơ bản về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của các nước châu Á, châu Âu; đặc điểm địa lí kinh tế - xã hội của một số quốc gia. Về kỹ năng, sinh viên có thể đạt được các kỹ năng thu thập, xử lí, phân tích số liệu, tài liệu, vẽ biểu đồ, sơ đồ, sử dụng bản đồ, ứng dụng công nghệ thông tin, viết báo cáo, làm việc nhóm phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy địa lí. Về thái độ, sinh viên hình thành ý thức và hành động đúng đắn đối với những vấn đề về kinh tế xã hội thế giới và có ý thức vươn lên hội nhập với nền kinh tế thế giới.

4.3.31. Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm giúp người học phân tích và lí giải được những kiến thức về địa lí KT -XH của Việt Nam; Có khả năng giải quyết vấn đề, tư duy phản biện; hình thành và phát triển năng lực địa lí, phát triển và lãnh đạo nhóm trong nghiên cứu địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam; Phân tích bối cảnh kinh tế - xã hội của Việt Nam; sử dụng địa lí

kinh tế - xã hội Việt Nam để thiết kế mục tiêu, xây dựng nội dung dạy học địa lí ở trường phổ thông.

4.3.32. Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí

Học phần **Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí** là học phần giúp cho sinh viên được tiếp cận với các kiến thức, kĩ năng về lí luận và phương pháp dạy học bộ môn để phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên. Về kiến thức, sinh viên cần có những hiểu biết cơ bản và nâng cao về những vấn đề lí luận chung về dạy học bộ môn, hệ thống các hình thức, phương pháp, phương tiện dạy học và kiểm tra đánh giá trong dạy học Địa lí. Nhận diện những vấn đề dạy học bộ môn Địa lí hiện nay ở trường phổ thông. Về kĩ năng, sinh viên được rèn luyện các kĩ năng giảng dạy: thiết kế và thực hiện các hoạt động dạy học, sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học bộ môn và thiết kế các hoạt động kiểm tra, đánh giá trong dạy học Địa lí. Về thái độ, sinh viên có cơ hội trau dồi chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng tình yêu nghề nghiệp, có ý tưởng và tinh thần sáng tạo trong dạy học bộ môn.

4.3.33. Thực địa 1 (Địa lí tự nhiên)

Học phần Thực địa Địa lí tự nhiên giúp sinh viên có khả năng vận dụng được những kiến thức đã học về địa lí tự nhiên như Địa lý Tự nhiên đại cương, Địa chất, Thạch quyển, Thủy quyển, Sinh quyển, Thổ nhưỡng, Địa lý tự nhiên Việt Nam, Địa phương học, Môi trường và con người... vào phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề thực tế nảy sinh ngoài thực địa trên một vùng lãnh thổ cụ thể. Những kiến thức này người học không thể hình dung được qua phần lý thuyết (đứt gãy thuận - nghịch, địa di, mối quan hệ giữa các lớp đá, cảnh quan,...). Từ đó hiểu và bổ sung kiến thức cho ngành học; có khả năng nghiên cứu chuyên sâu về tự nhiên Việt Nam. Trên cơ sở kiến thức thu nhận được qua thực tế, người học có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề liên quan đến đặc điểm tự nhiên (Cấu trúc đứng, Cấu trúc ngang, Cấu trúc chức năng) của một vùng lãnh thổ. Học phần cũng rèn luyện cho sinh viên các kĩ năng thực hành, quan sát, mô tả và phân tích các nguồn lực tự nhiên cơ bản để phát triển kinh tế xã hội của một vùng lãnh thổ cấp tỉnh. Phát triển các kĩ năng làm việc theo nhóm, kĩ năng giao tiếp thông qua quá trình học tập, nghiên cứu hệ thống các vấn đề địa lí tự nhiên ngoài thực địa. Giáo dục người học tình yêu thiên nhiên Việt Nam, có trách nhiệm với đất nước trên cơ sở nghiên cứu một vùng lãnh thổ.

4.3.34. Bản đồ và Hệ thống thông tin Địa lí (GIS)

Học phần Bản đồ và Hệ thống thông tin địa lí là học phần giúp cho sinh viên hình thành kiến thức, kĩ năng chuyên ngành để phục vụ cho chuyên môn nghiệp vụ của người giáo viên tương lai trong quá trình giảng dạy môn địa lí. Về kiến thức, sinh viên cần hiểu được khái niệm về bản đồ, các tính chất của bản đồ, các yếu tố nội dung của bản đồ địa lý; cơ sở toán học của bản đồ địa lý; hệ qui chiếu bản đồ (map projections), các phương pháp biểu thị hiện tượng trên bản đồ; hiểu được khái niệm, thành phần, chức năng của hệ thống thông tin địa lý GIS. Về kĩ năng, sinh viên cần đạt được các kĩ năng xác định được loại bản đồ cần thành lập, xây dựng maket bản đồ, thu thập và xử lí thông tin, tạo bản đồ kết quả; ứng dụng được CNTT và phần mềm GIS chuyên ngành để tạo sản phẩm bản đồ phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy địa lí.

4.3.35. Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2

Học phần Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2 là học phần thuộc khối kiến thức cốt lõi của ngành sư phạm Địa lí nhằm giúp người học phân tích và lý giải được những kiến thức cơ bản về địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của các nước châu Mỹ, châu Phi và châu Đại Dương; đặc điểm địa lí kinh tế - xã hội của một số quốc gia làm nền tảng kiến thức cho giáo viên địa lí tương lai. Thông qua môn học, có thể rèn luyện các kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích số liệu, tài liệu, vẽ biểu đồ, sơ đồ, sử dụng bản đồ, ứng dụng công nghệ thông tin, viết báo cáo, làm việc nhóm phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy địa lí; Hình thành cho sinh viên năng lực phân tích bối cảnh kinh tế - xã hội của thế giới, ý thức và hành động đúng đắn đối với những vấn đề về kinh tế - xã hội thế giới và có ý thức vươn lên hội nhập với nền kinh tế thế giới.

4.3.36. Phát triển chương trình môn Địa lí và tập giảng

Học phần Phát triển chương trình môn Địa lí và tập giảng thuộc khối kiến thức chuyên ngành, trong đó kiến thức chủ yếu tập trung vào các về lĩnh vực thuộc khoa học giáo dục, phương pháp giảng dạy, cách tiếp cận và chuyển hóa các sản phẩm giáo dục đến các trường phổ thông thông qua việc phân tích, thiết kế, tổ chức dạy học, trải nghiệm tại thực tế các trường phổ thông. Thông qua các nội dung này, học phần nhằm giúp người học phân tích được các đặc điểm, nguyên tắc, các cơ sở khoa học, đối sánh, nhận định được xu hướng và các cách tiếp cận trong việc biên soạn chương trình và sách giáo khoa; Có khả năng phát hiện được các vấn đề nảy sinh, tham gia cải tiến và phát triển chương trình, sách giáo khoa; Trên cơ sở các nghiên cứu lí thuyết, sinh viên sẽ thực hiện việc thiết kế, tổ chức dạy học các bài học địa lí hoàn chỉnh ở trường phổ thông.

4.3.37. Tự chọn 2

- Địa lí địa phương

Học phần Địa lí địa phương cung cấp những kiến thức về nghiên cứu địa lí địa phương và nội dung nghiên cứu về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế. Giúp sinh viên nắm vững được một số phương pháp khảo sát và nghiên cứu địa lý địa phương, hướng dẫn học địa lý địa phương. Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng hợp nhất về mối quan hệ, những qui luật tác động qua lại của địa lý địa phương, cách biên soạn tài liệu và phương pháp giảng dạy địa lý địa phương. Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng NCKH và liên hệ thực tế địa phương

- Giáo dục phát triển bền vững

Học phần **Giáo dục phát triển bền vững** là học phần giúp sinh viên tiếp cận và trang bị những kiến thức về phát triển bền vững, giáo dục phát triển bền vững hiện nay trên thế giới và ở Việt Nam. Người học có khả năng giải thích được các nguyên tắc của phát triển bền vững; Người học có khả năng tôn trọng sự liên đới giữa môi trường toàn cầu và môi trường địa phương,... Người học được trang bị những kỹ năng sống có trách nhiệm, làm việc biết hợp tác, và có khả năng nhận định bất cứ giá trị hay hoạt động nào có phù hợp hay không với chuẩn mực sống vững bền trên mọi khía cạnh của cuộc sống. Đồng thời, hình thành và phát triển những kỹ năng, năng lực sư phạm cần thiết cho việc giáo dục vì sự phát triển bền vững trong thực tế trường phổ thông: Kỹ năng phân tích chương trình để xác định khả năng tích hợp GDPTBV, Kỹ năng xác định kiến thức GDPTBV; Kỹ năng tổ chức, sử dụng các phương pháp để dạy học các nội dung GDPTBV; Kỹ năng đánh giá,... trong thiết kế

hoạch dạy học tích hợp GDPTBV.

- Phát triển kinh tế biển đảo

Học phần Phát triển kinh tế biển đảo là học phần thuộc khối kiến thức nâng cao, người học có thể linh hoạt lựa chọn để học và được tổ chức học vào học kỳ thứ 7. Học phần giúp sinh viên hình thành kiến thức chuyên ngành liên quan đến biển đảo – một trong những vấn đề đang được đặc biệt quan tâm ở Việt Nam cũng như thế giới; rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm cũng như năng lực phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội, văn hóa phục vụ cho việc thiết kế mục tiêu, xây dựng nội dung dạy học địa lí ở trường phổ thông.

4.3.38. Thực địa 2 (Địa lí kinh tế - xã hội)

Học phần Thực địa 2 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc của ngành sư phạm Địa lí nhằm giúp người học vận dụng và phân tích được những kiến thức thực tế cơ bản về tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên một đơn vị lãnh thổ của Việt Nam (các nguồn lực phát triển kinh tế, các ngành kinh tế, vấn đề phát triển kinh tế vùng); Phân tích, lí giải sự thay đổi và xu hướng phát triển của các ngành kinh tế. Từ đó biết phân tích, bình luận về những vấn đề kinh tế - xã hội của Việt Nam. Thông qua môn học, có thể rèn luyện các kĩ năng thu thập, xử lí, phân tích số liệu, tài liệu, vẽ biểu đồ, sơ đồ, sử dụng bản đồ, ứng dụng công nghệ thông tin, viết báo cáo, làm việc nhóm phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy địa lí; Hình thành cho sinh viên năng lực phân tích bối cảnh thực tế về kinh tế - xã hội của Việt Nam, ý thức và hành động đúng đắn đối với những vấn đề về kinh tế - xã hội của Việt Nam và có ý thức bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4.3.39. Kiến tập sư phạm

4.3.40. Thực tập sư phạm

V. Ma trận các kỹ năng

Môn KN	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Môn 5	Môn 6	Môn 7	Môn 8	Môn 9	Môn 10	Môn 11	Môn 12	Môn 13	Môn 14	Môn 15	Môn 16	Môn 17	Môn 18	Môn 19	Môn 20	Môn 21	Môn 22	Môn 23	Môn 24	Môn 25	Môn 26	Môn 27	Môn 28	Môn 29	Môn 30	Môn 31	Môn 32	Môn 33	Môn 34	Môn 35	Môn 36		
1																																						
1.1			2.5				2.5																	2.5														
1.1.1				2.5		2.5						3.5	3.5																									
1.1.2																																						
1.2	2.5	2.5													3.5			2.5			3.5	3.5			3.5			3.5	3.5					3.5				
1.2.1								2.5							3.5	3.5					3.5	3.5			3.5			3.5	3.5					3.5				
1.2.2										2.5				3.5	3.5	3				3.5	3.5	3.5		3.5	3.5		3.5							3.5		3.5		
1.2.3																3.5	2.5																					
1.2.4						2.5																		3.5													3.5	3.5
1.2.5										2.5									3.5				3.5													3.5	3.5	
1.2.6																																						
1.3															3.5						3.5	3.5		3.5	3.5		3.5			3.5	3.5				3.5	3.5		
1.3.1																2					3.5	3.5			3.5			2	3.5					3.5	3.5			
1.3.2															3.5						3.5	3.5			3.5			3.5	3.5					3.5	3.5			
1.3.3													2.5							3	3.5	3.5			3.5			3.5	3.5		3.5	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5		
1.3.4															2						2	3					3		2						3.5	3.5		
1.3.5																												3									3	3.5
1.3.6																																						
1.4																			3					3.5														

4.1		2.5									3.5									
4.1.1.				2.5																
4.1.2		2.5				3.5														
4.1.3																				
4.1.4																3				
4.1.5																3				
4.1.6																				
4.2		2.5																		
4.2.1				3																
4.2.2		2.5									3.5					3				
4.3																				
4.3.1																				
4.3.2											3.5									3.53.5
4.3.3											3.5									3.53.5
4.3.4											3.5									3.53.5
4.4									3											3.53.5
4.4.1																				
4.4.2																2.5				
4.4.3																				
4.4.4																3				
4.4.5																				3.5
4.5									3											3.5
4.5.1																				
4.5.2				3						3.5										3.5
4.5.3									3											3.5
4.5.4																				3
4.6																				
4.6.1			2.5			2.5														2.5
4.6.2				2.5		2.5					3.5	3.5								
4.6.3																				

Lưu ý: Các ký hiệu chuẩn đầu ra (1.1.1, 1.1.2,...) là danh mục Chuẩn đầu ra cấp độ 3 được quy định ở mục III.

VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập

6.1. Thang điểm đánh giá: đánh giá từng học phần được quy định theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó quy ra điểm chữ và thang điểm 4.

6.2. Quy định về cách thức đánh giá: được quy định tại điều 15, Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh ngày 10 tháng 10 năm 2017.

VII. Điều kiện thực hiện chương trình

7.1. Đội ngũ giảng viên

Trường Đại học Vinh có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo đáp ứng yêu cầu giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đại học Sư phạm Khoa học Xã Hội.

- Giảng viên có thể đảm nhận giảng dạy các học phần thuộc ngành Sư phạm Khoa học Xã hội của Viện SPXH gồm: 51 giảng viên, trong đó có: 7 PGS, TS và ThS.

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Phạm Minh Hùng	PGS	TS	Giáo dục	Nhập môn ngành sư phạm
2.	Phạm Thị Bình, TBM	GVC	TS	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin
3.	Vũ Thị Hà	GVC	TS	Ngoại ngữ	Tiếng Anh 1
4.	Dương Thị Thanh Thanh, TBM	GVC	TS	Tâm lý học	Tâm lý học
5.	Phan Văn Tuấn	GV	TS	Giáo dục chính trị	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6.	Nguyễn Thị Hương,	PGS	TS	Giáo dục	Giáo dục học
7.	Nguyễn Duy Bình	GVC	TS	Ngoại ngữ	Tiếng Anh 2
8.	Trần Xuân Sang, TBM	GV	TS	Tin học	Ứng dụng ICT trong giáo dục
9.	Nguyễn Thanh Diệu	GVC	TS	XSTK và toán ứng dụng	Xác suất và thống kê
10.	Phan Quốc Huy	GVC	ThS	Lịch sử Đảng	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN
11.	Nguyễn Thị Ngọc Hà	GVC	TS	PPGD và Quản lý Văn hóa	Cơ sở văn hóa Việt Nam
12.	Nguyễn Văn Tuấn, TBM	GVC	TS	Lịch sử thế giới	Lịch sử các nền văn minh nhân loại
13.	Ngô Thị Thu Hoài	GV	ThS	Luật	Pháp luật đại cương
14.	Nguyễn Thị Bích Hiền	PGS	TS	PPGD Hóa học	Phương pháp dạy học KHTN
15.	Nguyễn Thị Trang Thanh	PGS, 2018	Tiến sĩ, VN (2012)	Địa lý học	1. Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2. Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam Số TC: 04
16.	Nguyễn Thị Hoài	GVC	Tiến sĩ, VN (2013)	Địa lý học	1. Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam 2. Địa lý các ngành kinh tế biển Số TC: 05

17.	Hoàng Phan Hải Yên	GVC	Tiến sĩ, VN (2014)	Địa lí học	1. Địa lí học đại cương 2. Địa lí kinh tế - xã hội đại cương 3. Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 2 4. Thực địa 2 Số TC: 10
18.	Lương Thị Thành Vinh	GVC	Tiến sĩ, VN (2011)	Địa lí học	1. Địa lí kinh tế - xã hội thế giới 1 2. Bản đồ và GIS 3. Thực địa 2 Số TC: 11
19.	Nguyễn Thị Việt Hà	GVC	Tiến sĩ, VN (2016)	Lí luận và PPDH môn Địa lí	1. Bản đồ giáo khoa 2. Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí Số TC: 08
20.	Võ Thị Vinh	GVC	Tiến sĩ, VN (2016)	Lí luận và PPDH môn Địa lí	1. Phát triển chương trình môn Địa lí và tập giảng 2. Giáo dục phát triển bền vững Số TC: 07
21.	Phạm Vũ Chung	GVC	Tiến sĩ, VN (2017)	Địa lí tự nhiên	1. Địa lí học đại cương 2. Địa lí tự nhiên đại cương 1 3. Địa lí tự nhiên Việt Nam Số TC: 12
22.	Nguyễn Văn Đông		ThS, VN	Địa lí tự nhiên	1. Địa lí tự nhiên lục địa 4. Thực địa 1 Số TC: 04
23.	Võ Thị Thu Hà		ThS, VN	Địa lí tự nhiên	1. Địa lí tự nhiên đại cương 2 2. Địa lí địa phương 3. Thực địa 1 Số TC: 08
24.	Trần Thị Tuyền	GVC	Tiến sĩ, VN (2015)	Địa lí tự nhiên	1. Phương pháp NCKH chuyên ngành Địa lí 2. Địa lí tự nhiên Việt Nam Số TC: 07
25.	Đậu Khắc Tài		ThS, VN	Địa lí tự nhiên	1. Bản đồ giáo khoa 2. Bản đồ và GIS Số TC: 08

7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy đã được Nhà trường đầu tư một cách đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu đào tạo. Bên cạnh đó, ký túc xá, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động văn hóa - thể thao cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư,

đảm bảo chỗ ở và khu vui chơi giải trí cho sinh viên sau những giờ lên lớp.

- Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Nhà trường, hệ thống thực hành đã được Nhà trường chú trọng đầu tư với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác thực hành, cũng như nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên.

- Ký túc xá (dùng chung toàn trường);

- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao,... (dùng chung toàn trường);

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²) /Phòng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng thực hành máy tính	79	Máy tính (kết nối mạng LAN và Internet)	24	- Tin học đại cương - Bản đồ và GIS

VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

1. Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để giảng viên thực hiện công tác giảng dạy đảm bảo nội dung kiến thức và kế hoạch dạy học, thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên, là cơ sở cho việc phối hợp thực hiện giữa các đơn vị đào tạo trong trường, cho công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp dạy và học.

2. Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết; đảm bảo tỷ lệ giờ: lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả đào tạo.

3. Tên cán bộ giảng dạy nêu trong đề cương chỉ là tham khảo. Tùy thuộc vào tình hình cụ thể từng học kỳ/năm học, việc phân công cán bộ giảng dạy các môn học có thể thay đổi. Các bộ môn căn cứ nội dung môn học, trình độ chuyên môn của cán bộ và giờ lao động theo quy định để phân công phù hợp.

4. Trên cơ sở chương trình này, các bộ môn phân công giảng viên biên soạn đề cương chi tiết bài giảng, biên soạn giáo trình môn học. Các bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo trình tự logic đã được Hội đồng khoa học khoa thông qua.

5. Hàng năm Hội đồng Khoa học- Đào tạo khoa sẽ rà soát đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh bổ sung, sửa đổi, cập nhật Chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20 %.

Nghệ An, ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG